TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2019.
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim L, sinh năm 1991.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh L1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Khu A, ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có mặt, anh L1vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L trình bày: Chị và anh Huỳnh L1 tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 18/5/2009).

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi nhau, anh L1nhiều lần đánh đập chị. Từ khoảng tháng 01

năm 2019 cho đến nay chị và anh L1sống ly thân. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh L1vì vợ chồng không còn tình cảm.

- Con chung: Chị và anh L1có 02 con chung là Huỳnh Thị Nhã Tr - sinh ngày 17/6/2009 và Huỳnh Quốc N - sinh ngày 17/6/2011. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh L1cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh L1 đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Kim L và anh Huỳnh L1 tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/5/2009. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi nhau, anh L1nhiều lần đánh chị L. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Chị L yêu cầu ly hôn anh Long, xin nuôi 02 con chung là Huỳnh Thị Nhã Tr - sinh ngày 17/6/2009 và Huỳnh Quốc N- sinh ngày 17/6/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L1nhưng anh không có mặt thể hiện anh L1không mong muốn đoàn tụ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh L1 đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Phạm Thị Kim L xin ly hôn với anh Huỳnh L1, hiện nay anh L1cư trú tại Khu A, ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn". Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim L, bị đơn là anh Huỳnh L1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Kim L và anh Huỳnh L1 tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 18/5/2009 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Tại phiên tòa chị L cương quyết xin ly hôn với anh L1và khai không còn tình cảm vợ chồng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi nhau, anh L1nhiều lần đánh chị L. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Đối với anh L1đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện anh không có mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị L. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L1đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị L được ly hôn với anh L1là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

- Con chung: Chị L khai chị và anh L1có 02 con chung là Huỳnh Thị Nhã Tr - sinh ngày 17/6/2009 và Huỳnh Quốc N- sinh ngày 17/6/2011. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L1cấp dưỡng nuôi con.

Do từ khi chị L và anh L1sống ly thân nhau đến nay thì cháu Tr và cháu N được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại các bản khai, hai cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng chị L. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh L1không có ý kiến về việc nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo cho cháu Tr và cháu N được phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh L1không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

- Tài sản chung: Chị L khai không có, không tranh chấp nên không giải quyết.

- Nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định cảu Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Huỳnh L1.

1. Xử: Cho chị Phạm Thị Kim L được ly hôn anh Huỳnh L1.

2. Về con chung: Xử giao cháu Huỳnh Thị Nhã Tr - sinh ngày 17/6/2009 và Huỳnh Quốc N- sinh ngày 17/6/2011 cho chị L nuôi dưỡng. Tạm thời anh L1không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000532 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L1được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Đại Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai